

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung, mức chi đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ, tiền thưởng  
đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao  
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nội dung và mức chi các giải thi đấu thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tham dự các giải thể thao cấp quốc gia, khu vực được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định; bao gồm:

1.1. Giải thi đấu thể thao cấp quốc gia:

a) Đại hội thể thao toàn quốc;

b) Giải vô địch quốc gia từng môn thể thao;

c) Giải thi đấu thể thao thuộc hệ thống thi đấu quốc gia (giải vô địch trẻ quốc gia từng môn; giải vô địch Cúp quốc gia, giải Cúp các câu lạc bộ; giải mở rộng...)

d) Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

đ) Giải thi đấu thể thao quần chúng.

1.2. Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, khu vực:

a) Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh;

b) Hội khỏe Phù Đổng, Đại hội điền kinh học sinh; hội thao giáo dục quốc phòng - an ninh cấp tỉnh của ngành giáo dục và đào tạo;

c) Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp tỉnh, khu vực; Giải thể thao dành cho người khuyết tật;

d) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp tỉnh; hội thao; giải thi đấu thể thao các câu lạc bộ; giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp tỉnh, khu vực;

đ) Giải thi đấu thể thao do tỉnh Ninh Thuận tổ chức có mời nước ngoài tham dự;

e) Giải thi đấu thể thao khác cấp tỉnh.

1.3. Giải thi đấu thể thao cấp huyện

a) Đại hội thể dục thể thao cấp huyện;

b) Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện; Đại hội điền kinh học sinh cấp huyện; hội thao giáo dục quốc phòng - an ninh cấp huyện của ngành giáo dục và đào tạo;

c) Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp huyện; Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật;

d) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp huyện; hội thao, giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp huyện.

1.4. Các giải, hội thi thể thao xã, phường, thị trấn tổ chức (gọi tắt là cấp xã):

a) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp xã;

b) Giải thi đấu thể thao tổ chức tại các trường học, cơ sở đào tạo.

1.5. Các giải, hội thi thể thao phối hợp với các đơn vị ngoài tỉnh (mở rộng) tổ chức trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố.

2. Nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ngoài đối tượng được quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

3. Nội dung và mức chi đối với các thành phần có liên quan đến công tác tổ chức giải thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

4. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao (bao gồm giải thi đấu bóng đá).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập để tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao quy định tại Điều 1 Quy định này.

2. Các thành phần có liên quan đến công tác tổ chức giải thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm:

a) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn;

b) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

c) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác có liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

3. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Nội dung và mức chi**

1. Chi tiền bồi dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên

a) Tiền bồi dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập huấn và thi đấu các giải thể thao thuộc đội tuyển của tỉnh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định triệu tập; Đội tuyển học sinh cấp tỉnh để tham gia các giải thể thao học sinh cấp khu vực, toàn quốc:

- Vận động viên: 95.000 đồng/người/ngày.

- Huấn luyện viên: 144.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền bồi dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc đội tuyển cấp huyện (bao gồm đội tuyển học sinh cấp huyện) và đội tuyển của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương khi tham gia các giải thể thao cấp tỉnh được áp dụng tối đa bằng 70% mức chi được quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này.

c) Tiền bồi dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc đội tuyển cấp xã, phường, thị trấn, trường học tham gia giải thể thao cấp huyện được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi được quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia; khu vực, cấp tỉnh; các giải thi đấu thể thao cấp huyện, cấp xã và giải mở rộng; phá kỷ lục cuộc thi.

a) Mức chi tiền thưởng đối với vận động viên:

- Vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao được thưởng bằng tiền với mức chi theo Phụ lục I.

- Theo Điều lệ của Ban tổ chức giải thi đấu thể thao nếu có giải khuyến khích; giải phong cách; giải cá nhân, giải tập thể khác thì mức chi bằng 50% mức chi huy chương đồng (hoặc giải III) tương ứng theo Phụ lục I.

- Vận động viên đạt thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng theo Phụ lục I.

b) Mức chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên:

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

+ Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

+ Từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

+ Từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

+ Từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên.

+ Trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

- Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

c) Đối với các môn, nội dung mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương (giải thưởng) của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi đấu, từ huy chương (giải thưởng) thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên, huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng được quy định tại Phụ lục I.

d) Vận động viên phá kỷ lục cuộc thi được cộng thêm 30% tiền thưởng tương ứng.

3. Chi tiền ăn, tiền bồi dưỡng đối với các thành phần liên quan đến công tác tổ chức giải thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thực hiện theo Phụ lục II.

#### 4. Nội dung và mức chi khác

a) Theo tính chất đặc thù một số môn thi đấu phải tổ chức thông tầm vào buổi trưa (từ 11 giờ 30 đến 13 giờ 30) và ban đêm (từ 18 giờ trở đi) thì ngoài tiền bồi dưỡng, còn được chi thêm tiền ăn 25.000 đồng/người/buổi.

b) Những đối tượng là cộng tác viên hoặc hợp đồng bên ngoài chi theo chế độ quy định hoặc hợp đồng thỏa thuận giữa đơn vị tổ chức thi đấu và bên được mời.

c) Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành tổ chức giải chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

d) Các khoản chi khác có liên quan đến việc tổ chức giải không được quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành. Tùy theo quy mô tính chất của giải để chi phù hợp với nguồn thu, nguồn kinh phí được Ngân sách nhà nước cấp.

đ) Vận động viên và huấn luyện viên thuộc đội tuyển của Tỉnh do Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh quản lý thực hiện chế độ theo quy định thể thao thành tích cao và các quy định liên quan khác. Vận động viên và huấn luyện viên thuộc đội tuyển thể thao năng khiếu cấp tỉnh được hưởng 75% mức chi chế độ dinh dưỡng của đội tuyển trẻ cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính “Quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao”.

e) Tiền tàu xe đi về, thuê phòng nghỉ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 49/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Quy định này được đảm bảo từ các nguồn:

a) Nguồn thu bán vé xem thi đấu;

- b) Nguồn thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình;
- c) Nguồn ngân sách nhà nước;
- d) Nguồn vận động, tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Nguyên tắc chi chế độ, tiền thưởng:

a) Cơ quan ra quyết định tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải và các nội dung, mức chi được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

b) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm chi các chế độ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan đến vận động viên, huấn luyện viên và các đối tượng trực thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu;

c) Ngân sách tinh chi tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, khu vực;

d) Khuyến khích các liên đoàn, hiệp hội thể thao, các đơn vị khai thác các nguồn hợp pháp để bổ sung thêm tiền bồi dưỡng, tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên

3. Tùy theo tình hình kinh phí, các cơ quan, đơn vị tổ chức cân đối quyết định mức chi cho phù hợp nhưng không vượt mức chi tại Quy định này./.



STT	Thành tích	Huy chương vàng (Giải I)	Huy chương bạc (Giải II)	Huy chương đồng (Giải III)
	Tên cuộc thi			
4	<b>Giải thi đấu thể thao thuộc hệ thống thi đấu quốc gia (giải vô địch, giải vô địch trẻ từng môn; giải vô địch Cúp các câu lạc bộ quốc gia, quốc tế; giải mở rộng...)</b>			
	Cá nhân	4.000.000	2.500.000	1.500.000
	Xếp hạng toàn đoàn	8.000.000	6.000.000	4.000.000
	<b>Mức chi theo giải thi đấu thể thao quy định lứa tuổi</b>			
	Từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	3.000.000	1.800.000	1.300.000
	Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	2.400.000	1.400.000	1.000.000
	Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	1.800.000	1.000.000	800.000
	Dưới 12 tuổi	1.200.000	700.000	500.000
5	<b>Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật</b>			
	Cá nhân	5.000.000	3.300.000	2.000.000
	Xếp hạng toàn đoàn	10.000.000	8.000.000	6.000.000
6	<b>Giải thi đấu thể thao quần chúng</b>			
	Cá nhân	4.000.000	2.500.000	1.500.000
	Xếp hạng toàn đoàn	8.000.000	6.000.000	4.000.000
II	<b>Giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, khu vực</b>			
1	<b>Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh</b>			
	Cá nhân	1.500.000	1.000.000	800.000
	Xếp hạng toàn đoàn	4.000.000	3.000.000	2.000.000

STT	Thành tích	Huy chương vàng (Giải I)	Huy chương bạc (Giải II)	Huy chương đồng (Giải III)
	Tên cuộc thi			
2	<b>Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh; Đại hội điền kinh học sinh cấp tỉnh; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh cấp tỉnh của ngành giáo dục</b>			
	Cá nhân	800.000	600.000	400.000
	Xếp hạng toàn đoàn	2.000.000	1.500.000	1.000.000
3	<b>Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp tỉnh, khu vực; Giải thể thao dành cho người khuyết tật</b>			
	Cá nhân	1.200.000	800.000	600.000
	Xếp hạng toàn đoàn	3.000.000	2.000.000	1.500.000
4	<b>Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp tỉnh; hội thao, giải thi đấu thể thao các câu lạc bộ, giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp tỉnh, khu vực.</b>			
	Cá nhân	800.000	600.000	400.000
	Xếp hạng toàn đoàn	2.000.000	1.500.000	1.000.000
<b>III</b>	<b>Giải thi đấu cấp huyện</b>			
1	<b>Đại hội thể dục thể thao cấp huyện</b>			
	Cá nhân	1.000.000	800.000	600.000
	Xếp hạng toàn đoàn	2.500.000	2.000.000	1.500.000
2	<b>Hội khoẻ Phù Đổng cấp huyện; Đại hội điền kinh học sinh cấp huyện; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh cấp huyện của ngành giáo dục</b>			
	Cá nhân	600.000	400.000	200.000
	Xếp hạng toàn đoàn	1.200.000	1.000.000	800.000



STT	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương vàng (Giải I)	Huy chương bạc (Giải II)	Huy chương đồng (Giải III)
3	<b>Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp huyện; Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.</b>			
	Cá nhân	800.000	600.000	400.000
	Xếp hạng toàn đoàn	2.000.000	1.500.000	1.000.000
4	<b>Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp huyện; hội thao, giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp huyện</b>			
	Cá nhân	600.000	400.000	200.000
	Xếp hạng toàn đoàn	1.200.000	1.000.000	800.000
IV	<b>Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp xã; Giải thi đấu thể thao tổ chức tại các trường học, cơ sở đào tạo.</b>			
1	Cá nhân	300.000	200.000	100.000
2	Xếp hạng toàn đoàn	800.000	600.000	400.000



c	Giám sát, trọng tài chính (đồng/người/buổi hoặc trận)	72.000
d	Thư ký, trọng tài khác (đồng/người/buổi hoặc trận)	60.000
e	Công an, y tế (đồng/người/buổi)	54.000
g	Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ (đồng/người/buổi).	54.000
3	Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ	
a	Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận giữa cơ quan tổ chức với tổ chức, cá nhân nhưng không vượt mức chi theo Nghị định 21/2015 ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.	
b	Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ	
	Người tập:	
	+ Tập luyện (đồng/người/buổi)	36.000
	+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi) (đồng/người/buổi)	48.000
	+ Chính thức (đồng/người/buổi)	84.000
c	Giáo viên; cán bộ quản lý, hướng dẫn học sinh, người tập (đồng/người/buổi)	72.000

## **II. Nội dung chi và mức chi đối với các giải thi đấu thể thao cấp huyện, cấp xã:**

1. Các giải thể thao cấp huyện: Áp dụng tối đa bằng 70% mức chi chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và khu vực.

2. Các giải thể thao cấp xã: Áp dụng tối đa bằng 50% mức chi chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh./.